

Bản án số: 48/2019/HS-ST

Ngày: 08-10-2019

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN**

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lan Phương.

Thẩm phán: Bà Trần Thị Nhài

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đồng Quang Sơn

Bà Nguyễn Mỹ Linh

Ông Nguyễn Văn Hòa

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thúy Quỳnh - Thư ký tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Hà- Kiểm sát viên trung cấp.

Ngày 08 tháng 10 năm 2019, tại Hội trường Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên, mở phiên tòa công khai xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 40/2019/TLST-HS ngày 25 tháng 7 năm 2019 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 43/2019/QĐXXST-HS ngày 04 tháng 9 năm 2019, đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Hữu L, sinh 23/01/1998 tại tỉnh Thái Nguyên.

ĐKKHKT và chỗ ở: Xóm T, xã ĐS, thị xã PY, tỉnh Thái Nguyên; Nghề nghiệp: Không; Trình độ văn hóa 11/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Hữu S (đã chết) và bà Đỗ Thị Tr, sinh năm 1979; Gia đình có 02 anh em, bị cáo là con thứ nhất; Chưa có vợ; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Thái Nguyên từ ngày 18/01/2019 đến nay (có mặt tại phiên tòa).

2. Lê Đức Th, sinh 09/8/1995 tại tỉnh Thái Nguyên.

ĐKKHKT và chỗ ở: Tổ 10, phường MC, thành phố SC, tỉnh Thái Nguyên; Nghề nghiệp: Không; Trình độ văn hóa 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Lê Duy K, sinh năm 1953 và bà Trịnh Thị M, sinh năm 1955; Gia đình có 04 chị em, bị cáo là con thứ tư; Chưa có vợ; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị tạm giữ, tạm

giam từ ngày 28/02/2019 đến ngày 24/7/2019, hiện nay tại ngoại (có mặt tại phiên tòa).

3. Đỗ Văn H, sinh 22/7/1993 tại tỉnh Thái Nguyên.

ĐKHKT và chỗ ở: Xóm NC, xã BX, thành phố SC, tỉnh Thái Nguyên; Nghề nghiệp: Tự do; Trình độ văn hóa 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Đỗ Văn V, sinh năm 1967 và bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1970; Gia đình có 02 anh em, bị cáo là con thứ nhất; Chưa có vợ; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo không bị giam giữ ngày nào, hiện tại ngoại (có mặt tại phiên tòa).

* Người bào chữa cho bị cáo L(Do đoàn luật sư tỉnh Thái Nguyên cử): Ông Nguyễn Bùi H luật sư văn phòng luật sư SM, đoàn luật sư tỉnh Thái Nguyên (có mặt).

* Người bị hại:

1. Đỗ Minh H1, sinh năm 1990 (đã chết)

- Đại diện hợp pháp cho người bị hại:

1.1. Ông Đỗ Xuân T1, sinh năm 1962 (bố anh H1) có mặt.

1.2. Bà Đồng Thị S, sinh năm 1963 (mẹ anh H1) có mặt.

1. 3. Chị Đỗ Thị H2, sinh năm 1990 (vợ anh H1) có mặt.

1.4. Đỗ Xuân Tr, sinh năm 2012 (con anh H1) có mặt.

1.5. Cháu Đỗ Thu Ph sinh năm 2017(con anh H1) có mặt.

Chị Hằng giám hộ cho 02 con anh H1

Đều trú tại: Xóm XD, xã BX, thành phố SC, tỉnh Thái Nguyên.

Ông T1 và bà S ủy quyền cho chị H2 tham gia tố tụng tại phiên tòa.

2. Anh Đỗ Văn H, sinh năm 1993 (có mặt).

Trú tại Xóm NC, xã BX, thành phố SC, tỉnh Thái Nguyên.

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Anh Cấn Văn L, sinh năm 1989 (vắng mặt).

Trú tại: Thôn 4, xã KQ, huyện TT, Thành phố Hà Nội

2. Chị Dương Thị Lý, sinh năm 1976 có mặt.

Trú tại: Xóm CN, xã TK, huyện PB, tỉnh Thái Nguyên.

3. Chị Đỗ Thị Trg, sinh năm 1979 (có mặt).

Trú tại: Xóm T, xã ĐS, TX.PY, tỉnh Thái Nguyên.

4. Bà Nguyễn Thị D, sinh năm 1948 (vắng mặt).

Trú tại: Khối TH, phường HD, thành phố V, tỉnh Nghệ An.

5. Anh Lý Hồng Đ, sinh năm 1992 (vắng mặt).

Trú tại: Tổ Dân phố U, phường TL, thành phố SC, tỉnh Thái Nguyên.

* Người làm chứng:

1. Anh Nguyễn Khắc L1, sinh năm 1999 (có mặt).
Trú tại: Xóm CN, xã TK, huyện PB, tỉnh Thái Nguyên.
2. Ông Đỗ Văn H3, sinh năm 1970 (có mặt).
3. Ông Đỗ Đức S, sinh năm 1976 (có mặt).
Đều trú tại: Xóm Đ, xã BX, thành phố SC, tỉnh Thái Nguyên.
4. Chị Phùng Thị T2, sinh năm 2000 (có mặt).
Trú tại: Tổ 15, thị trấn BL, huyện CĐ, tỉnh Bắc Cạn.
5. Chị Cao Thị L, sinh năm 2000 (vắng mặt).
Trú tại: Thôn G, xã CG, huyện CT, tỉnh Thanh Hóa.
6. Chị Hà Thị Mai T3, sinh năm 1998 (vắng mặt).
Trú tại: Bản NC, xã YT, huyện TD, tỉnh Nghệ An.
7. Chị Hoàng Thị L, sinh năm 1993 (có mặt).
Trú tại: Thôn NL, xã YM, huyện CĐ, tỉnh Bắc Cạn.
8. Anh Nguyễn Văn D, sinh năm 1986 (vắng mặt).
Trú tại: Tổ 13, phường TL, thành phố SC, tỉnh Thái Nguyên.
9. Anh Phạm Quang V, sinh năm 1989 (có mặt).
10. Chị Nguyễn Thị T4, sinh năm 1993 (có mặt).
Đều trú tại: Xóm XĐ, xã BX, thành phố SC, tỉnh Thái Nguyên.
11. Anh Nguyễn Văn T5, sinh năm 1986 (vắng mặt).
Trú tại: Tổ 13, phường TL, thành phố SC, tỉnh Thái Nguyên.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa. Nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 22 giờ ngày 16/01/2019, sau khi ăn cơm uống rượu tại nhà Đỗ Văn H3, sinh năm 1970, trú tại xóm Đ, xã BX, thành phố SC, tỉnh Thái Nguyên, Đỗ Minh H1, sinh năm 1990, trú tại xóm XĐ, xã BX, thành phố SC, tỉnh Thái Nguyên đi xe máy, nhãn hiệu SYM-ENJOY, màu sơn đỏ - đen; BKS 20B1- 143.27 chở Đỗ Đức S, sinh năm 1976, trú tại xóm Đ, xã BX, thành phố SC, tỉnh Thái Nguyên, Đỗ Văn H, sinh năm 1993, Trú tại Xóm NC, xã BX, thành phố SC đến hát tại phòng số 3 quán Karaoke HA thuộc xóm XĐ, xã BX, thành phố SC, H yêu cầu chủ quán gọi hộ cho 04 nhân viên nữ đến rót bia và hát cùng. Khoảng 22giờ 30 phút cùng ngày, có 03 nhân viên nữ, gồm: Cao Thị L, sinh năm 2000, Hà Thị Mai T3, sinh năm 1998, Hoàng Thị L, sinh năm 1993, đến quán hát cùng. Đỗ Văn H3 đi xe máy đến sau vào cùng hát. Khoảng 23 giờ cùng ngày, có thêm Phùng Thị T2, sinh năm 2000 đến. Trong khi hát, S trêu đùa và lật váy của T2 lên, T2 bảo S không được hành động như vậy nên đã bị S đuổi ra khỏi phòng hát, T2 đi xuống lễ tân gọi điện cho Nguyễn Khắc L1, sinh năm 1999, trú tại xóm CN, xã TK, huyện PB,

tỉnh Thái Nguyên đến đón về, lúc này S tiếp tục ra trêu L và hắt vẩy L nên cũng bị L phản đối. S đã dùng micrô hát karaoke đập vào đầu L. Thấy vậy, T3 ra can ngăn thì S khua tay và đã cào móng tay vào mặt T3 gây thương tích nhẹ. L, L, T3 bỏ đi xuống lễ tân gọi điện thoại cho L1 đến đón. H1, H, S và H3 không hát nữa cũng đi xuống.

Khi nhận được điện thoại, L1 và Nguyễn Hữu L đang ở khu trọ tại tổ 13, phường TL, thành phố SC. Đây là địa điểm Nguyễn Văn T5, sinh năm 1986, trú tại xã NL, huyện PB, tỉnh Thái Nguyên thuê nhà của anh Hoàng Xuân L, mục đích cho các nhân viên nữ ở để đi làm phục vụ các quán hát Karaoke trên địa bàn thành phố Sông Công. L1 và L có nhiệm vụ đưa đón nhân viên đến các quán hát. L1 bảo L đi xe máy nhãn hiệu Honda loại Future, BKS: 20G1- 076.88 đi đón, trước khi đi L cầm 01 con dao nhọn dài 34cm, bản rộng 3,2cm giắt trong cặp quần. L1 đi xe máy nhãn hiệu YAMAHA, loại xe Sirius, màu sơn Đỏ - Đen, BKS 37B2- 814.70 đi đón, trước khi đi L1 cầm theo 01 chiếc gậy rút bằng sắt dài 24cm gài trong người (gậy gồm 3 đoạn khi rút ra dài 64cm).

Khi đến quán, L và L1 được các nhân viên nữ cho biết việc S là người có hành vi không đúng mực khi hát và đã dùng micrô đánh L. L, L1 nói chuyện với nhóm của H1, H3, S và H thì xảy ra mâu thuẫn, hai bên cãi, thách đố nhau. H3 đi trước, S và H1 đi sau ra vỉa hè trước cửa quán. Còn H thanh toán tiền tại quầy lễ tân, thấy vậy L và L1 đi ra theo sau. L đã đẩy S ngã ra vỉa hè trước cửa quán, lúc này Lê Đức Th đi một mình bằng xe máy SH, BKS: 20B1- 904.05 đến, thấy H1 đang cầm điều cày trên tay đã hỏi cầm điều cày để làm gì đồng thời xuống xe tiến về phía H1 đang đứng giật điều cày và dùng điều cày đập nhiều nhát vào người H1 làm điều bị gãy vỡ, Th vút phần điều cày gãy lại rồi đi ra chỗ dựng xe. H đi từ trong quán ra đánh L1, L1 lấy gậy rút trong người ra đánh hai nhát vào đầu H gây thương tích. Đồng thời lúc này, L với H1 lao vào đánh nhau, trong lúc đánh nhau, L lấy dao từ trong người ra, tay trái cầm vỏ dao, tay phải cầm dao, rút dao ra khỏi bao đâm 01 nhát vào sườn phải của H1, sau đó L quay sang dùng dao nhọn đâm 01 nhát vào sườn phải của H. Th điều khiển xe máy Honda SH chở L và T2 đi khỏi hiện trường, xe máy nhãn hiệu YAMAHA, loại xe Sirius, màu sơn đỏ - đen do L1 đi đến để lại quán Karaoke, L1 điều khiển xe máy nhãn hiệu Honda, loại Future do L đi đến chở L, T3 và L về khu trọ tại phường Thắng Lợi, thành phố Sông Công. Sau khi nhóm L, L1, Th bỏ đi, H1 gục ngã xuống vỉa hè trước cửa quán Karaoke HA và chết trên đường đi cấp cứu, còn H bị thương tích được điều trị tại Bệnh viện C Thái Nguyên. Tổng tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên của Đỗ Văn H là 7%, (H đánh nhau với

L1 đã bị L1 dùng gậy đánh lại vào đầu gây thương tích, tổn hại 6%. L dùng dao đâm H1 chết và đâm 1 nhát vào người H gây thương tích 1%). Về đến phòng trọ, L và L1 bỏ trốn. Hồi 7 giờ ngày 18/01/2019 Nguyễn Hữu L đến đầu thú tại Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Thái Nguyên.

Hồi 4 giờ ngày 17/01/2019, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Thái Nguyên tiến hành khám nghiệm hiện trường, kết quả xác định:

Hiện trường xảy ra vụ án là tại quán karaoke HA thuộc xóm XD, xã BX, thành phố SC, tỉnh Thái Nguyên do ông Nguyễn Quốc H4, sinh năm 1973, trú tại xóm LG, xã BX, thành phố SC, tỉnh Thái Nguyên làm chủ, giao cho con gái là Nguyễn Thị T4, sinh năm 1993 quản lý.

Quán Karaoke HA có các vị trí tiếp giáp như sau:

- Phía Đông là đường Vũ Xuân
- Phía Nam là nhà ông Đặng Văn Q, sinh năm 1983, trú tại xóm XD, xã BX, thành phố SC, tỉnh Thái Nguyên.
- Phía Bắc là nhà ông Đặng Văn H5, sinh năm 1986, trú tại xóm XD, xã BX, thành phố SC, tỉnh Thái Nguyên.
- Phía Tây là vườn của nhà ông Đặng Văn Q.

Trước cửa quán Karaoke HA là sân được lát gạch đỏ, có kích thước (6,3 x 4,5)m, tiếp đến là lối đi lại bằng bê tông hướng ra đường Vũ Xuân, đường Vũ Xuân có lòng đường rộng 05m; về hướng Bắc là đường đi xã Thịnh Đức, phía Nam là hướng đi Trung tâm thành phố Sông Công.

Quá trình khám nghiệm hiện trường, Cơ quan cảnh sát điều tra phát hiện, ghi nhận các dấu vết như sau:

- Vị trí số 01: Một số dấu vết máu nhỏ giọt trên nền sân cách tường phía Nam 60cm, cách cửa ra vào 4,2m, trên diện 20 x 30cm.
- Vị trí số 02: cách vị trí số (01) 110cm về phía Đông Bắc, cách tường phía Nam 120cm phát hiện 01 đoạn ống hình trụ dài 14m, đường kính 05cm, bên ngoài là vỏ gỗ, bên trong là ống nhựa.
- Vị trí số 03: cách vị trí số (02) 4,35cm về phía Đông Bắc, cách trụ cổng bên trái 3,24cm là 01 đôi dép màu nâu, nhãn hiệu “ONGJANG”, trên dép có bầm dính máu, hai chiếc cách nhau 1,5m về phía Đông. Xung quanh vị trí này rải rác nhiều dấu vết máu nhỏ giọt.
- Vị trí số 04: cách vị trí số (03) 145cm về phía Đông là 01 đoạn ống hình trụ đã bị vỡ dài 35cm, đường kính 05cm, cùng loại với đoạn ống hình trụ tại vị trí số 02. Cách đoạn ống hình trụ này về phía Nam 60cm là 01 lỗ điều bằng gỗ, dài 9,5cm, đường kính lớn nhất 5,8cm; đường kính nhỏ nhất 1,5cm trên bầm dính máu.

- Vị trí số 05 cách vị trí số (04) 3,55m về phía Nam, cách mép đường 90cm (mép đường bên phải hướng đi trung tâm thành phố Sông Công) là 01 đoạn ống hình trụ dài 22cm, đường kính 05cm, đã bị vỡ, đoạn ống hình trụ này cùng loại với đoạn ống hình trụ tại vị trí số 02.

- Vị trí số 06 tiếp giáp dấu vết máu nhỏ giọt tại vị trí số 03 về phía Bắc là dấu vết máu chảy đọng trên diện (165 x 600) cm và 01 chiếc giày trái màu đen.

- Vị trí số 07: nối liền dấu vết máu tại vị trí số 06 ra mặt đường Vũ Xuân về phía Bắc là dấu vết máu nhỏ giọt trên độ dài mặt đường 40m, điểm cuối là dấu vết máu chảy đọng kích thước (110 x 650 cm, sát mép đường bên phải (hướng đi xã Thịnh Đức).

- Vị trí số 08: là dấu vết máu nhỏ giọt từ vị trí số 04 ra mặt đường Vũ Xuân về phía Bắc, trên độ dài mặt đường 73m.

- Vị trí số 09: cách điểm cuối dấu vết máu chảy đọng của vị trí số (07) 2,5m về phía Đông là 01 chiếc áo ba lỗ màu xanh, bám dính nhiều máu trên áo, tại vị trí cách gấu áo 24cm, sát đường may thân áo, bên phải (vùng sườn áo phải) có 01 vết rách thủng vải áo sắc gọn, dài 4,5cm.

Hồi 4 giờ ngày 16/01/2019 Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Thái Nguyên khám nghiệm tử thi tại nhà đại thể Bệnh viện C Thái Nguyên xác định:

- Khám bên ngoài:

Các dấu vết, tổn thương trên cơ thể:

- Tại vị trí vùng thái dương trái, cách sau đuôi mắt trái 1,5cm có vết rách thủng da cơ hình bầu dục, KT (1,5 x 0,5) cm, bờ mép sắc gọn, góc trên tù, góc dưới nhọn, sâu 0,5cm (vết số 01).

- Tại vùng sườn phải, dưới hõm nách phải 16cm có vết rách thủng da cơ hình bầu dục, bờ mép sắc gọn KT (5 x 2) cm, góc trên tù, góc dưới nhọn, sâu thấu vào trong khoang ngực, chiều hướng từ phải sang trái, từ dưới lên trên, từ sau ra trước (vết số 02).

- Tại mặt ngoài cổ tay trái có vết sây sát da KT (4 x 10) cm.

- Hậu môn có phân thoát ra ngoài

- Ngoài ra không phát hiện dấu vết khác do ngoại lực tác động, hệ thống xương khớp không bị sai gãy, rạn vỡ.

Mổ tử thi:

- Trong khoang ngực phải có nhiều máu không đông và máu đông cục

- Vết thương số 02 đi qua khoang liên sườn số 6,7 bên trái

- Mặt sau thùy dưới phổi phải có vết rách thủng KT (5 x 1,5) cm

- Trong dạ dày có ít thức ăn đang tiêu hóa

- Tại bản kết luận định số 398 ngày 15/02/2019 của Phòng kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Thái Nguyên kết luận: Đỗ Minh H1, sinh năm 1990, trú tại xóm XD, xã BX, thành phố SC, tỉnh Thái Nguyên bị đâm thấu ngực làm rách phổi phải, chảy máu trong khoang ngực gây mất máu cấp, suy tuần hoàn, suy hô hấp cấp dẫn đến chết.

- Tại bản kết luận giám định pháp y về thương tích số 35/TgT ngày 18/01/2019 của Trung tâm Pháp y tỉnh Thái Nguyên kết luận về mức độ tổn hại sức khỏe của Đỗ Văn H, sinh năm 1993, trú tại xã BX, thành phố SC, tỉnh Thái Nguyên:

Dấu hiệu chính qua giám định: Trên cơ thể có 03 sẹo vết thương phần mềm còn chỉ khâu:

- Vết sẹo vùng đầu thứ nhất, tỷ lệ 3%

Cơ chế hình thành vết thương:

- Vết sẹo vùng đầu thứ hai, tỷ lệ 3% cơ chế hình thành vết thương do tác động của vật tày.

- Vùng mạn Sườn (P) tỷ lệ 1%

Cơ chế hình thành vết thương: Do tác động của vật sắc nhọn.

Cộng lùi: $3\% + 3\% + 1\% = 6,85\%$ (làm tròn 7%).

- Tại bản kết luận giám định số: 445/C54 (TT3) ngày 28/02/2019 của Viện khoa học hình sự - Bộ Công an kết luận:

+ Dấu vết nghi máu bám dính trên chiếc gậy rút (ký hiệu M3) không pH1 là máu.

+ Các mẫu nghi máu ghi thu tại vị trí số 07 (ký hiệu M) và vị trí số 08 (ký hiệu M1) là máu người và là máu của Đỗ Minh H1.

+ Trên con dao (ký hiệu M2) có bám dính máu lẫn của Đỗ Minh H1 và Đỗ Văn H.

Tại Bản kết luận giám định hóa pháp số 90/HP ngày 24/01/2019 của Viện Pháp y Quốc gia – Bộ Y tế kết luận:

+ Trong mẫu máu và nước tiểu của Nguyễn Hữu L gửi tới giám định ngày 22/01/2019 có tìm thấy Amphetamin và Methamphetamin.

+ Trong mẫu máu của Nguyễn Hữu L gửi tới giám định ngày 22/01/2019 không tìm thấy cồn.

+ Trong mẫu máu và nước tiểu của Nguyễn Khắc L1, sinh năm 1990 gửi tới giám định ngày 22/01/2019 không tìm thấy cồn và các chất ma túy.

Thu giữ vật chứng gồm: 01 con dao nhọn; 01 gậy rút; 01 xe máy, nhãn hiệu YAMAHA; các đoạn ống hình trụ, lỗ điều và các vật chứng

Chị Đỗ Thị Hằng là vợ Đỗ Minh H1 có đơn đề nghị bồi thường dân sự số tiền 560.000.000đ. Bà Đỗ Thị T3 là mẹ đẻ của bị cáo Nguyễn Hữu L đã thay L bồi thường cho gia đình Đỗ Minh H1 số tiền 80.000.000đ; Bà Dương

Thị Lý là mẹ đẻ của Nguyễn Khắc L1 đã thay L1 bồi thường cho Đỗ Văn H số tiền 25.000.000đ.

Bản cáo trạng số 37/CT-VKS-P2, ngày 24 tháng 7 năm 2019 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên truy tố bị cáo: Nguyễn Hữu L về tội “Giết người” và tội “Cố ý gây thương tích” quy định tại điểm n khoản 1 Điều 123 và điểm a khoản 1 Điều 134 Bộ luật Hình sự; bị cáo Lê Đức Th về tội: “Gây rối trật tự công cộng” quy định tại khoản 2 Điều 318 Bộ luật hình sự; bị cáo Đỗ Văn H về tội” “Gây rối trật tự công cộng” quy định tại khoản 1 Điều 318 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa sơ thẩm các bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

Phản luận tội tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên tóm tắt nội dung vụ án, phân tích đánh giá tính chất vụ án, nhân thân, tình tiết tăng nặng giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố Bị cáo Nguyễn Hữu L phạm tội “Giết người” và tội “Cố ý gây thương tích”; các bị cáo Lê Đức Th, Đỗ Văn H phạm tội: “Gây rối trật tự công cộng”; áp dụng điểm n khoản 1 Điều 123; điểm a khoản 1 Điều 134; điểm s, b khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 55 Bộ luật Hình sự; xử phạt Nguyễn Hữu L từ 12 năm tù đến 13 năm tù về tội “Giết người”; 06 tháng tù đến 09 tháng tù về tội “Cố ý gây thương tích”. Tổng hợp hình phạt buộc bị cáo L pH1 chấp hành hình phạt chung cho hai tội từ 12 năm 6 tháng đến 13 năm 9 tháng tù; áp dụng điểm b khoản 2 Điều 318; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật hình sự, xử phạt Lê Đức Th từ 30 tháng tù đến 36 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 5 năm tính từ ngày tuyên án; áp dụng khoản 1 Điều 318; điểm s, i khoản 1 Điều 51; Điều 65 Bộ luật hình sự, xử phạt Đỗ Văn H từ 06 tháng tù đến 09 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 12 tháng đến 18 tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm; Giao bị cáo Th về Ủy ban nhân dân phường MC, thành phố SC giám sát giáo dục; giao bị cáo H về Ủy ban nhân dân xã BX, thành phố SC giám sát giáo dục trong thời gian thử thách; Trách nhiệm dân sự : Áp dụng Điều 48 Bộ luật hình sự; Điều 584; Điều 585; Điều 586; Điều 591; Điều 357 Bộ luật dân sự. Buộc bị cáo Nguyễn Hữu L bồi thường cho những người đại diện hợp pháp cho người bị hại cụ thể: Khoản tiền bồi thường một lần gồm Tiền xe cấp cứu, xe đưa xác anh H1 về 2.700.000đ; Tiền mua áo quan, khăn tang 15.000.000đ; Tiền thuê phong bát 10.000.000đ; tiền mua thực phẩm hoa quả phục vụ khâm niệm chôn cất 15.000.000đ; Tiền tổn thất tinh thần 100 tháng L1 cơ sở x

1.490.000đ/tháng là 149.000.000đ. Tổng cộng các khoản 191.700.000đ được trừ đi 80.000.000đ. bị cáo còn pH1 bồi thường 111.700.000đ.

***Khoản tiền hàng tháng:**

Tiền cấp dưỡng nuôi hai con anh H là cháu Đỗ Xuân Tr, sinh ngày 02/10/2012 và cháu Đỗ Thu P, sinh ngày 08/4/2017 mỗi tháng trợ cấp cho mỗi cháu ½ tháng L1 cơ sở. Cụ thể cấp dưỡng cho cháu Đỗ Xuân Tr 745.000đ/tháng; cháu Đỗ Thu Ph 745.000đ/tháng cho đến khi hai cháu đủ 18 tuổi; vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự, tịch thu tiêu hủy 01 gói niêm phong ký hiệu M, M1; 01 con dao nhọn. 01 gậy rút; các đoạn ống hình nhọn và lỗ điều vị trí 02,04,05; 01 đôi dép màu nâu; 01 chiếc giày trái màu đen; 01 áo khoác; 01 áo màu đỏ; Đối với chiếc xe mô tô YAMAHA loại xe Sirius BKS 37B2-814.70 do L1 đi đến hiện trường xác định chủ sở hữu là của bà Nguyễn Thị D do đó cần trả lại cho bà Dung quản lý sử dụng; Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật, bị cáo L pH1 chịu án phí dân sự và án phí cấp dưỡng.

Các bị cáo không tranh luận gì.

Luật sư bào chữa cho bị cáo L: Tóm tắt nội dung vụ án, phân tích hành vi phạm tội của bị cáo L; xác định bị cáo L là người có nhân thân tốt, bị cáo bị kích động khi nhóm của anh H1 đánh nhân viên của L sau đó H1 và H đánh L trước, H1 dùng đoạn điều cày vụt L trước, L rút dao đâm H1 và H. Sau khi phạm tội L ra đầu thú. Viện kiểm sát truy tố bị cáo L về tình tiết có tính chất côn đồ là không thỏa đáng. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 123; điểm s, b khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự, xử phạt L từ 10 năm tù đến 11 năm tù. Tội cố ý gây thương tích và trách nhiệm bồi thường đề nghị Hội đồng xét xử xử phạt bị cáo theo quy định của pháp luật.

Viện kiểm sát đối đáp: Cuộc thẩm vấn công khai mọi hành vi của các bị cáo đã được làm rõ, Viện kiểm sát đã phân tích chi tiết, mức độ côn đồ ở mức độ nào, côn đồ là vì nguyên nhân nhỏ nhặt vô cớ. Tất cả lời khai của bị cáo, người làm chứng thể hiện bên bị hại có lỗi. Nếu bị cáo L bị đánh có hậu quả được pháp luật xem xét thì mới truy tố theo khoản 2 Điều 123 Bộ luật hình sự. Tuy nhiên thân thể bị cáo không có dấu vết, pH1 xem hành vi tương xứng. Ở đây mức độ côn đồ của bị cáo không cao nên Viện kiểm sát đề nghị mức hình phạt của bị cáo ở đầu khung hình phạt.

Luật sư: Cần xác định côn đồ là từ con người, pH1 là giết người không tiếc tay, bản chất của bị cáo không có tính côn đồ, do lỗi của nhóm khách hàng đến hát có thái độ không đúng dẫn đến cãi vã nhau, xảy ra xô xát L bị

H1 và H đánh trước, sau khi gây án L hoảng sợ đầu thú, cần xử lý L ở hậu quả xảy ra thôi.

Bị cáo L nhất trí với luận cứ và đối đáp của luật sư. Lời nói sau cùng bị cáo L đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt, bị cáo Th, bị cáo H rất ân hận với hành vi của mình đã gây ra, đề nghị Hội đồng xét xử cho các bị cáo được cải tạo tại địa phương.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Về hành vi, các quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an tỉnh Thái Nguyên, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên, kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng là đúng quy định của pháp luật.

[2] Tại phiên tòa sơ thẩm hôm nay các bị cáo Nguyễn Hữu L, Lê Đức Th, Đỗ Văn H thừa nhận bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên truy tố đối với các bị cáo là đúng, không oan. Lời khai nhận tội của các bị cáo là khách quan phù hợp với Biên bản khám nghiệm hiện trường, sơ đồ hiện trường, biên bản khám nghiệm tử thi, vật chứng thu giữ, kết luận giám định pháp y của phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thái Nguyên, giám định pháp y của Viện khoa học Bộ Công an, giám định Hóa pháp của Viện pháp Y quốc gia Bộ y tế, lời khai của những người làm chứng. Như vậy Hội đồng xét xử có đủ căn cứ xác định: Khoảng 23 giờ ngày 16/01/2019, tại quán Karaoke HA thuộc xóm XD, xã BX, thành phố SC, tỉnh Thái Nguyên, sau khi nhóm của anh H1 gồm có anh H1, anh H, anh H2 và anh S đến quán hát Karaoke hát, trong lúc hát anh S có thái độ không đúng mực với nhân viên của L (Do L có trách nhiệm đưa đón các nhân viên phục vụ hát), nhân viên phản ứng anh S có dùng micrô đánh vào đầu nhân viên, nhân viên gọi anh L1 và L đến đón, khi đến nơi hai bên xảy ra xô xát, anh H1 đã dùng đoạn điều cày vut L và H dùng tay đâm L, Nguyễn Hữu L dùng 01 dao nhọn dài 34cm, bản rộng 3,2cm đâm một nhát vào sườn phải Đỗ Minh H1 và 01 nhát vào thái dương trái, hậu quả anh H1 chết là do vết thương vùng sườn pH1 sâu thấu ngực, làm rách phổi pH1, chảy máu trong khoang ngực gây mất máu cấp, suy tuần hoàn, suy hô hấp cấp dẫn đến chết. Do H xông vào đâm L, L quay sang dùng dao nhọn đâm 01 nhát vào sườn phải Đỗ Văn H gây thương

tích 1%. Khi Đỗ Văn H đánh Nguyễn Khắc L1, L1 đã dùng gậy rút bằng sắt dài 24cm (gậy gồm 3 đoạn khi rút ra dài 64cm) đập vào đầu Đỗ Văn H 02 nhát gậy thương tích 6%. Lê Đức Th đi qua đã vào xem, giữa Th và H1 lời qua tiếng lại Th giằng co điều cày với anh H1 và dùng điều cày đánh anh H1 làm điều cày gãy. Hành vi của Thi và H gây mất trật tự và ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh trật tự tại địa phương. Sau khi bị L1 đánh gậy thương tích 6% thì ngày 16/04/2019 Đỗ Văn H có đơn xin rút yêu cầu khởi tố đối với Nguyễn Khắc L1 về hành vi gây thương tích cho Đỗ Văn H, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên đã ra quyết định đình chỉ vụ án đối với L1 và Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Thái Nguyên đã ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với Nguyễn Khắc L1.

Với hành vi trên bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên đã truy tố bị cáo Nguyễn Hữu L về tội “Giết người” và tội “Cố ý gây thương tích” theo điểm n khoản 1 Điều 123 và điểm a khoản 1 Điều 134 Bộ luật Hình sự; bị cáo Lê Đức Th về tội: “Gây rối trật tự công cộng” theo điểm b khoản 2 Điều 318 Bộ luật hình sự; bị cáo Đỗ Văn H về tội” “Gây rối trật tự công cộng” theo khoản 1 Điều 318 Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật.

Điều 123 Bộ luật hình sự quy định.

1. Người nào giết người thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ mười hai năm đến hai mươi năm, tù chung thân hoặc tử hình.

a.b...n) Có tính chất côn đồ.

Điều 134 Bộ luật hình sự quy định:

1. Người nào cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác mà tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 11% đến 30% hoặc dưới 11% nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến ba năm hoặc bị phạt tù từ sáu tháng đến ba năm:

a). Dùng...hung khí nguy hiểm...

Điều 318 Bộ luật hình sự quy định:

1. Người nào gây rối trật tự công cộng gây ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội hoặc đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi này hoặc đã bị kết án về tội này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm, thì bị phạt tiền từ 5.000.000đ đến 50.000.000đ. phạt cải tạo không giam giữ đến hai năm hoặc phạt tù từ ba tháng đến hai năm.

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây thì bị phạt tù từ hai năm đến bảy năm:

a)...b) Dùng... hung khí....

[3] Tính chất vụ án là đặc biệt nghiêm trọng, hành vi phạm tội của bị cáo L là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm quyền được sống, được bảo hộ về tính mạng, sức khỏe của công dân được pháp luật bảo vệ, gây hoang mang trong nhân dân, gây mất trật tự trị an xã hội. Vì mâu thuẫn nhỏ không kìm chế bị cáo L đã tước đi sinh mạng của anh H 1 và gây thương tích cho H . Hành vi phạm tội của bị cáo phải xét xử nghiêm khắc buộc bị cáo phải cách ly xã hội một thời gian để cải tạo giáo dục bị cáo. Hành vi của bị cáo Lê Đức Th là nghiêm trọng, hành vi của Đỗ Đức H là ít nghiêm trọng, hành vi của hai bị cáo xâm phạm trật tự công cộng, gây mất trật tự trị an địa phương, xã hội hành vi của hai bị cáo pH1 xử lý bằng pháp luật hình sự để giáo dục các bị cáo đồng thời răn đe phòng chống tội phạm chung

[4] Xét nhân thân, tình tiết tăng nặng giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo. Hội đồng xét xử nhận thấy:

Đối với bị cáo Nguyễn Hữu L nhân thân chưa có tiền án tiền sự. Sau khi gây án bị cáo L đã ra đầu thú, quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa thành khẩn ăn năn hối cải khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, đã thông tin về gia đình tích cực khắc phục hậu quả bồi thường cho gia đình người bị hại, bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự tại điểm s, b khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Các bị cáo Lê Đức Th và Đỗ Văn H nhân thân chưa có tiền án, tiền sự, quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo H thành khẩn, ăn năn hối cải, quá trình điều tra bị cáo Th chưa thật sự thành khẩn nhưng tại phiên tòa bị cáo Th thành khẩn, ăn năn hối cải khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, bị cáo H phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, bị cáo Th và H được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự, bị cáo H được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự tại điểm i khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Các bị cáo L, Th, H đều không pH1 chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào. Xét toàn diện vụ án khi lượng hình cũng cần xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho các bị cáo. Đối với bị cáo Th và H có nơi cư trú rõ ràng, bị cáo H được chính quyền địa phương xác nhận, bị cáo Th được chính quyền địa phương bảo lãnh, bị cáo Th được hưởng khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Hội đồng xét xử thấy không cần cách ly xã hội đối với hai bị cáo, cho hai bị cáo cải tạo dưới sự giám sát của chính quyền địa phương, thể hiện tính khoan hồng trong pháp luật Nhà nước ta.

[5] Trách nhiệm dân sự: Tại phiên tòa hôm nay gia đình anh H1 người bị hại yêu cầu bị cáo Nguyễn Hữu L bồi thường tiền mai táng phí, cấp dưỡng nuôi hai con anh H1 yêu cầu của các đại diện cho người bị hại là có căn cứ,

tuy nhiên theo bảng kê của gia đình người bị hại một số khoản như mua thực phẩm như tiền mua thịt gà, thịt trâu, thịt lợn... theo quy định tại điểm 2.2 mục 2 phần II Nghị quyết số 03 ngày 08/7/2006 của HĐTP TAND TC thì không được chấp nhận tuy nhiên theo phong tục tập quán Hội đồng xét xử chấp nhận một phần; khoản tiền cấp dưỡng nuôi hai con anh H1 theo quy định phải tính theo tháng. Cụ thể buộc bị cáo Nguyễn Hữu L bồi thường cho gia đình anh Đỗ Minh H1.

* Khoản tiền một lần:

- Tiền xe cấp cứu, xe đưa xác anh H1 về	2.700.000đ
- Tiền mua áo quan, khăn tang	15.000.000đ
- Tiền thuê bàn ghế, phong bát và thợ kèn	12.000.000đ
- Tiền mua các thực phẩm, hoa quả phục vụ cho khâm niệm, chôn cất.	15.000.000đ
Cộng	44.700.000đ
- Tiền tổn thất tinh thần 100 tháng L1 cơ sở 100 x 1.490.000đ/tháng là	149.000.000đ
Tổng cộng	193.700.000đ

Bị cáo đã bồi thường được 80.000.000đ nay còn phải bồi thường tiếp 113.700.000đ.

Tại phiên tòa hôm nay mẹ anh H1 đề nghị Hội đồng xét xử chia khoản tiền bù đắp tổn thất tinh thần cho từng người cụ thể phần của ai thì tuyên cho người đó nhận. Do đó Hội đồng xét xử cần chia cụ thể khoản tiền bù đắp tổn thất tinh thần như sau 149.000.000đ chia cho 5 người gồm ông T1, bà S, chị H2, cháu Tr, cháu Ph cụ thể phần của mỗi người là 29.800.000đ.

Tuy nhiên số tiền 80.000.000đ gia đình bị cáo L bồi thường bà Sông đang quản lý. Khoản tiền mai táng phí do chị H2 bỏ ra tổng cộng các khoản được chấp nhận là 44.700.000đ, do đó bà S phải trả lại cho chị H2 số tiền mai táng phí, sau khi trừ đi số tiền mai táng phí số còn lại là 35.300.000đ sẽ được chia đều cho bố, mẹ, vợ và các con của anh H1, mỗi người là 7.060.000đ (bà Sông có trách nhiệm hoàn trả số tiền đó cho ông T1 7.060.000đ và ba mẹ con chị H2 là 21.180.000đ).

Buộc bị cáo bồi thường tiếp cho bà Đồng Thị S số tiền bù đắp tổn thất tinh thần là 22.740.000đ; Ông Đỗ Xuân T1 22.740.000đ; ba mẹ con chị Hằng 68.220.000đ (Chị Đỗ Thị H2 là người nhận tiền bù đắp tổn thất tinh thần của ba mẹ con).

* Khoản tiền hàng tháng:

Tiền cấp dưỡng nuôi hai con anh H1 là cháu Đỗ Xuân Tr, sinh ngày 02/10/2012 và cháu Đỗ Thu Ph, sinh ngày 08/4/2017 mỗi tháng trợ cấp cho mỗi cháu ½ tháng lương cơ sở. Cụ thể cấp dưỡng cho cháu Đỗ Xuân Tr

745.000đ/tháng; cháu Đỗ Thu Ph 745.000đ/tháng cho đến khi hai cháu đủ 18 tuổi. Số tiền hàng tháng cấp dưỡng cho hai cháu giao cho chị Đỗ Thị H2 nhận.

Đối với anh H tại phiên tòa hôm nay anh không yêu cầu bị cáo L bồi thường nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[6] Vật chứng vụ án:

* Tịch thu tiêu hủy: 01 gói niêm phong ký hiệu M, M1; 01 con dao nhọn. 01 gậy rút; các đoạn ống hình nhọn và lỗ điều vị trí 02,04,05; 01 đôi dép màu nâu; 01 chiếc giày trái màu đen; 01 áo khoác; 01 áo màu đỏ.

* Đối với chiếc xe mô tô YAMAHA loại xe Sirius BKS 37B2-814.70 do L1 đi đến hiện trường xác định chủ sở hữu là của bà Nguyễn Thị D cho con gái nuôi là chị Đoàn Thị Thùy L mượn chị L mang xe cấm cho anh Lý Hồng Đ bà Dung không biết, do đó cần trả lại cho bà D quản lý sử dụng.

[7] Các bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

[8] Đối với hành vi của Đỗ Đức S dùng micro đánh vào vùng mặt của Hoàng Thị L và khuỷu tay vào mặt Hà Thị Mai T3 gây thương tích nhẹ đều không phải đi viện điều trị. Chị L và chị T3 có đơn đề nghị không xử lý bằng hình sự đối với hành vi của S và không yêu cầu S bồi thường. Cơ quan cảnh sát điều tra đã lập biên bản giáo dục nhắc nhở đối với Đỗ Đức S.

[9] Hành vi của L1 dùng gậy gây thương tích cho H nhưng H đã rút đơn yêu cầu khởi tố, nên cơ quan điều tra đã xử phạt hành chính đối với L1.

Như phân tích trên Hội đồng xét xử chấp nhận đề nghị của Viện kiểm sát. Không chấp nhận đề nghị của Luật sư.

Vì các lẽ trên Hội đồng xét xử sơ thẩm Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên.

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ 326 Điều Bộ luật tố tụng hình sự.

Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Hữu L phạm tội “Giết người” và tội “Cố ý gây thương tích”; bị cáo Lê Đức Th, Đỗ Văn H phạm tội” “Gây rối trật tự công cộng”

1. Áp dụng điểm n khoản 1 Điều 123; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; điểm a khoản 1 Điều 134; (điểm b khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự đối với tội Giết người); Điều 38; Điều 55 Bộ luật Hình sự, xử phạt: Nguyễn Hữu L 12 năm tù về tội “ Giết người”, 09(chín) tháng tù về tội “ cố ý gây thương tích”. Tổng hợp hình phạt buộc bị cáo L phải chấp hành hình phạt chung cho hai tội 12 (mười hai) năm 09 (chín) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 18/01/2019.

Áp dụng Điều 329 Bộ luật tố tụng hình sự quyết định tạm giam bị cáo Nguyễn Hữu L với thời hạn 45 ngày kể từ ngày tuyên án.

2. Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 318; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật hình sự, xử phạt: Lê Đức Th 30 (ba mươi) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 05 năm tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

3. Áp dụng khoản 1 Điều 318; điểm s,i khoản 1 Điều 51; Điều 65 Bộ luật hình sự, xử phạt: Đỗ Văn H 09 (chín) tháng tù cho hưởng án treo thời gian thử thách 18 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Lê Đức Th cho Ủy ban nhân dân phường MC, thành phố SC, tỉnh Thái Nguyên giám sát giáo dục trong thời gian thử thách.

Giao bị cáo Đỗ Đức H cho Ủy ban nhân dân xã BX, thành phố SC, tỉnh Thái Nguyên giám sát giáo dục trong thời gian thử thách.

Nếu các bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo Điều 69 Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

3.Trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 Bộ luật hình sự; Điều 584; Điều 585; Điều 586; Điều 591; Điều 357 Bộ luật dân sự. Cụ thể buộc bị cáo Nguyễn Hữu L bồi thường cho gia đình anh Đỗ Minh H1 các khoản như sau.

* Khoản tiền một lần:

- Tiền xe cấp cứu, xe đưa xác anh H1 về	2.700.000đ
- Tiền mua áo quan, khăn tang	15.000.000đ
- Tiền thuê bàn ghế, phong bật và thợ kèn	12.000.000đ
- Tiền mua các thực phẩm, hoa quả phục vụ cho khâm niệm, chôn cất.	<u>15.000.000đ</u>

Cộng là 44.700.000đ

- Tiền tổn thất tinh thần 100 tháng L1 cơ sở	+
100 x 1.490.000đ/tháng là	<u>149.000.000đ</u>

Tổng cộng 193.700.000đ

Bị cáo đã bồi thường được 80.000.000đ nay còn phải bồi thường tiếp 113.700.000đ.

Số tiền 80.000.000đ gia đình bị cáo L bồi thường bà Sông đang quản lý. Khoản tiền mai táng phí do chị H2 bỏ ra tổng cộng các khoản được chấp nhận là 44.700.000đ, do đó bà S phải trả lại cho chị H2 số tiền mai táng phí, sau khi trừ đi số tiền mai táng phí số còn lại là 35.300.000đ sẽ được chia đều

cho bố, mẹ, vợ và các con của anh H1, mỗi người là 7.060.000đ (bà Sông có trách nhiệm hoàn trả số tiền đó cho ông T1 7.060.000đ và ba mẹ con chị H2 là 21.180.000đ).

Buộc bị cáo bồi thường tiếp cho bà Đồng Thị S số tiền bù đắp tổn thất tinh thần là 22.740.000đ; Ông Đỗ Xuân T1 22.740.000đ; ba mẹ con chị H2 gồm cháu Tr, cháu Ph và chị H2 68.220.000đ (Chị H2 là người nhận tiền của ba mẹ con).

***Khoản tiền hàng tháng:**

Tiền cấp dưỡng nuôi hai con anh H1 là cháu Đỗ Xuân Tr, sinh ngày 02/10/2012 và cháu Đỗ Thu Ph, sinh ngày 08/4/2017 mỗi tháng trợ cấp cho mỗi cháu ½ tháng L1 cơ sở. Cụ thể cấp dưỡng cho cháu Đỗ Xuân Tr 745.000đ/tháng; cháu Đỗ Thu Ph 745.000đ/tháng cho đến khi hai cháu đủ 18 tuổi. Số tiền hàng tháng cấp dưỡng cho hai cháu giao cho chị Đỗ Thị H2 nhận.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án, cho đến khi thi hành xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi xuất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

4. Vật chứng vụ án: Áp dụng Điều 47 bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

- Tịch thu tiêu hủy: 01 gói niêm phong còn nguyên vẹn, được hoàn trả sau giám định, bên trong đựng các mẫu máu thu giữ tại hiện trường (ký hiệu M, M1) và mẫu máu của Đỗ Minh H1; Đỗ Văn H; Nguyễn Hữu L; Nguyễn Khắc L1; 01 con dao nhọn; 01 gậy rút; các đoạn ống hình trụ và lỗ điều tại vị trí 02;04;05; 01 đôi dép cũ màu nâu, nhãn hiệu ONGJIANG tại vị trí số 3; 01 chiếc giày trái màu đen tại vị trí số 06; 01 áo khoác màu ghi thu của tử thi Đỗ Minh H1; 01 áo khoác màu đỏ do Đỗ Văn H giao nộp ngày 01/4/2019 cách mép dưới áo bên PH1 khoảng 21 cm; cách đường may thân áo khoảng 2,5 cm có vết rách thủng vải dài khoảng 3 cm.

- Trả cho bà Nguyễn Thị D sinh năm 1948, trú tại Khối TH, phường HD, thành phố V, tỉnh Nghệ An 01 xe máy cũ, nhãn hiệu YAMAHA, loại xe Sirius màu sơn đỏ - đen, biển kiểm soát 37B2 - 814.70; Số máy E3X9E099040; số khung RLCU 3240HY036789, tình trạng xe cũ, đã qua sử

dụng, yên rách, xe không gương, xe xước xước, han gỉ, không kiểm tra máy bên trong.

(Hiện nay vật chứng có tại kho Cục thi hành án dân sự tỉnh Thái Nguyên theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 24/7/2019).

* Án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án phí. Các bị cáo L, Th, H mỗi bị cáo pH1 chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm; bị cáo Nguyễn Hữu L phải chịu 5.685.000 án phí dân sự và 300.000đ án phí cấp dưỡng sung quỹ Nhà nước.

Điều 26 Luật thi hành án Dân Sự quy định: “Trường hợp bản án quyết định được thi hành án theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án Dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 9 Luật thi hành án Dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án Dân sự”.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt các bị cáo, những người đại diện hợp pháp cho người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Lý, chị T3, vắng mặt anh L, bà D, anh Đ. Báo cho biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, người vắng mặt kể từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết.

Nơi nhận:

- TANDTC; TANDCC; Sở TP;
- VKSNDCC; VKSND tỉnh TN;
- CA tỉnh TN; Trại TG;
- Cục thi hành án dân sự;
- Các bị cáo;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

đã ký

Nguyễn Thị Lan Phương